

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆU QUẢ CỦA HỒ SƠ HỌC TẬP ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHOA TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA ĐẶNG THỊ HƯƠNG THẢO* - BÙI THANH NGÀ**

TÓM TẮT: Trong thời đại chuyển đổi số, việc áp dụng công nghệ vào trong giảng dạy là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc sử dụng hồ sơ học tập điện tử (E-Portfolio) để cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên giúp cho sinh viên nâng cao năng lực tiếng Anh mà còn tạo môi trường để sinh viên tự tin trong quá trình sử dụng tiếng Anh. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hồ sơ học tập điện tử đối với việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ hai của Trường Đại học Phenikaa. Nhóm nghiên cứu áp dụng nghiên cứu hành động với hai công cụ chính để thu thập dữ liệu là bài kiểm tra kỹ năng nói và nhật ký học tập. Kết quả cho thấy hồ sơ học tập điện tử đã góp phần cải thiện từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, trôi chảy và phát triển ý, nội dung và liên kết ý. Ngoài ra, nghiên cứu cũng mang lại trải nghiệm học tập thú vị và cung cấp những thông tin quý giá cho việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử hiệu quả hơn cho sinh viên.

TỪ KHÓA: hồ sơ học tập điện tử; kỹ năng nói tiếng Anh; công nghệ; chuyên ngữ; hiệu quả.

NHẬN BÀI: 04/02/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/03/2025

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ngày càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, sinh viên gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp. Thực tế, sinh viên chưa có nhiều điều kiện để thực hành nói tiếng Anh ngoài lớp học và chưa chủ động luyện tập nói tiếng Anh thường xuyên. Bên cạnh đó, giảng viên gặp khó khăn trong việc nhận xét, đánh giá và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học kỹ năng nói tiếng Anh. Trước thực trạng trên, việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử là một giải pháp mới và hữu ích, không chỉ giúp người học có nhiều cơ hội phát triển kỹ năng nói tiếng Anh mà còn thúc đẩy sự tương tác giữa người học với nhau và giữa người học với giảng viên. Sinh viên tự đánh giá bản thân và nhận được những phản hồi thường xuyên từ bạn cùng lớp và giảng viên để xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và mục tiêu cá nhân cũng như cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh. Tại Trường Đại học Phenikaa, việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên ngày càng trở nên cấp thiết. Trước thực tế đó, các giải pháp công nghệ được chú trọng áp dụng và hồ sơ học tập điện tử là một trong những công cụ hỗ trợ việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh. Hồ sơ học tập điện tử đã mở ra một cơ hội học tập mới và góp phần tạo động lực và tăng cơ hội thực hành nói tiếng Anh cho sinh viên đồng thời giúp giảng viên có đánh giá liên tục quá trình học tập và đưa ra các giải pháp dạy học kịp thời và hiệu quả để hỗ trợ sinh viên. Ngoài ra, hồ sơ học tập điện tử giúp sinh viên tăng tính chủ động và có thêm động lực trong học tập. Việc tích hợp công nghệ vào trong giảng dạy giúp nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh và giúp sinh viên phát huy được tính năng động và sáng tạo. Hồ sơ học tập điện tử là một trong những công cụ cần thiết giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Kỹ năng nói tiếng Anh

2.1.1. Khái niệm

Kỹ năng nói là một trong những yếu tố chủ chốt trong giao tiếp, giúp kết nối và trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe. Có nhiều quan điểm và định nghĩa khác nhau về kỹ năng này. Theo Florez (1999), nói là một quá trình tương tác, trong đó người học tạo ra và tiếp nhận thông tin để hình

*TS; Trường Đại học Phenikaa; Email: thao.dangthi.huong@phenikaa-uni.edu.vn

**Trường Đại học Phenikaa; Email: nga.bui.thanh@phenikaa-uni.edu.vn

thành ý nghĩa. Theo Thornbury (2005), việc nói bằng ngôn ngữ thứ hai khác biệt so với ngôn ngữ mẹ đẻ do người học thường thiếu vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp, khiến cho quá trình sắp xếp ngữ pháp và từ vựng không được thực hiện một cách tự động khi tạo ra ngôn ngữ thứ hai. Mart (2012) định nghĩa “kỹ năng nói là khả năng sử dụng lời nói để diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, thực trạng và cảm xúc của một cá nhân đối với người khác hoặc với chính bản thân mình.”. Như vậy, “nói” có thể được hiểu là quá trình lựa chọn và tổ chức từ ngữ sao cho có nghĩa, nhằm diễn đạt một vấn đề hoặc ý kiến nào đó. Trong giao tiếp, người nói cần biết cách tổ chức các ý tưởng của mình, lựa chọn từ ngữ phù hợp, kết hợp với phát âm rõ ràng và chính xác, để người nghe có thể tiếp nhận và hiểu thông điệp mà người nói muốn truyền tải.

2.1.2. Tầm quan trọng của kỹ năng nói tiếng Anh

Theo Brown và Yuke (1983), “Kỹ năng nói là kỹ năng mà người học sẽ được đánh giá nhiều nhất trong các tình huống thực tế của cuộc sống.”. Kỹ năng nói là kỹ năng quan trọng trong học ngôn ngữ hoặc ngoại ngữ. Trong bốn kỹ năng cơ bản của học ngôn ngữ, kỹ năng nói được đánh giá là quan trọng nhất. Theo Bueno, Madrid và McLaren (2006, tr.321), “Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng khó nhất mà người học ngôn ngữ phải đối mặt. Kỹ năng nói được coi là quan trọng nhất trong bốn kỹ năng ngôn ngữ của tiếng Anh. Ngay cả khi người học dành nhiều năm để học ngôn ngữ này,...” Nhận thức rõ về tầm quan trọng của kỹ năng nói tiếng Anh trong giao tiếp sẽ giúp người học có động lực và phương pháp học phù hợp để có thể tự tin sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế cũng như đặt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra.

Kỹ năng nói tiếng Anh là kỹ năng sản sinh nên người học cần có thời gian để tích lũy đủ kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm. Trong thế giới hiện đại, người có khả năng nói tiếng Anh tốt có nhiều cơ hội việc làm tốt hơn. Kỹ năng nói tiếng Anh tốt là một động lực giúp người học học tiếng Anh tốt hơn.

2.2. Hồ sơ học tập điện tử

2.2.1. Khái niệm

Theo Lorenzo và Ittelson (2005) cho rằng hồ sơ học tập điện tử (E-Portfolio) là “những bộ sưu tập cá nhân hóa, dựa trên nền tảng web, bao gồm các sản phẩm, phản hồi về sản phẩm và những nhận xét, được sử dụng để thể hiện các kỹ năng quan trọng và kết quả trong nhiều bối cảnh và thời gian khác nhau” (tr.2). Theo Gray (2008), hồ sơ học tập điện tử là “sản phẩm được tạo ra bởi người học, bao gồm một tập hợp các sản phẩm số hóa thể hiện trải nghiệm, thành tích và quá trình học tập” và là “sự tập hợp có chủ đích các sản phẩm kỹ thuật số - bao gồm ý tưởng, minh chứng, phản ánh, phản hồi, v.v. nhằm thể hiện trước một đối tượng cụ thể những minh chứng về quá trình học tập và/ hoặc năng lực của một cá nhân” (tr.6-7). Những định nghĩa này cho thấy hồ sơ học tập điện tử không chỉ chứa đựng các sản phẩm học tập của người học mà còn là công cụ quan trọng giúp người khác hiểu rõ và quan sát quá trình học tập của họ một cách có hệ thống.

Trong nghiên cứu này, hồ sơ học tập điện tử được triển khai ở cấp độ 2. Các bài tập nói của sinh viên sẽ được lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập Canvas theo từng tuần, sinh viên được hướng dẫn cách thực hiện bài tập và được nhận các nhận xét để sinh viên điều chỉnh bài tập tốt hơn.

2.2.2. Lợi ích của hồ sơ học tập điện tử

Hồ sơ học tập điện tử có nhiều ưu điểm trong việc thúc đẩy quá trình học tập ngoại ngữ của sinh viên cũng như đánh dùng để đánh giá, đặc biệt là trong việc học kỹ năng nói tiếng Anh.

- *Hồ sơ học tập điện tử trong bối cảnh dạy - học EFL*: Theo Ahn (2004), hai lợi ích chính của việc kết hợp hồ sơ điện tử vào bối cảnh dạy-học bao gồm cung cấp cho người học cơ hội suy ngẫm về việc học của chính họ và quan trọng hơn, cung cấp cho giáo viên cơ hội tuyệt vời để cung cấp phản hồi về công việc của học sinh. Hồ sơ điện tử là xác thực vì nó cho phép người học làm chủ việc học của mình bằng cách yêu cầu họ tạo hồ sơ điện tử của riêng mình, phản ánh về quá trình và kết quả học tập của họ, đồng thời nâng cao việc học của họ do kết quả của phản ánh của họ (Goldsmith, 2007; Reese & Levy, 2009).

- *Hồ sơ học tập điện tử phù hợp với đánh giá quá trình*: Là một công cụ sư phạm, hệ thống hồ sơ học tập điện tử đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện đánh giá quá trình trong lớp học dựa trên nhận xét, phản hồi, dẫn đến cải thiện quá trình học tập của người học. Điều này phù hợp với Marshall và Wiliam (2006) với quan điểm về mục tiêu chính của đánh giá quá trình là phát triển và hỗ trợ việc học, và việc cung cấp phản hồi nên có sự tham gia của cả giáo viên và học sinh.

Hồ sơ học tập điện tử hỗ trợ việc học vì nó liên quan đến đánh giá quá trình (informative assessment) nhằm giúp người học biết được các vấn đề của mình và điều chỉnh để có kết quả tốt hơn (Welsh, 2012). Người học chủ động tham gia vào quá trình học sẽ giúp người học tiếp thu được kiến thức sâu và hiệu quả hơn. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu khác cũng tập trung vào tìm hiểu ảnh hưởng của đánh giá quá trình đối với việc học của người học (Nelson & Schunn, 2009; Zohar & Dori, 2003).

Trong không gian làm việc của người học ở Cấp độ 2 (không gian làm việc của người học), người học tích cực tham gia vào quá trình sáng tạo và có thể tìm kiếm ý kiến đóng góp từ bạn bè, giáo viên, cũng như tham gia vào việc tự phản ánh. Sau khi quy trình hoàn tất, người học có thể thể hiện kiến thức của mình ở giai đoạn sản phẩm và trưng bày tác phẩm của mình trong buổi giới thiệu của họ.

- *Hồ sơ học tập điện tử thúc đẩy quá trình học tập*: Hồ sơ học tập điện tử có thể hỗ trợ việc học theo nhiều cách khác nhau do được xây dựng dựa trên việc sử dụng đánh giá quá trình để hỗ trợ các bước phản hồi và tự điều chỉnh - chính là các bước thiết yếu của quá trình học tập (Welsh, 2012). Việc sử dụng hồ sơ điện tử làm nền tảng để tự đánh giá của học sinh có thể giúp học sinh kiểm soát việc học của mình và trở nên tự chủ hơn (Black et al., 2004). Khi người học tham gia vào việc tự nhận xét, sẽ thúc đẩy sự tự điều chỉnh, và do đó tiến bộ từng bước trong quá trình học tập.

Hồ sơ học tập điện tử có thể áp dụng đồng thời với các phương pháp dạy học tích cực, giúp thúc đẩy học tập tích cực và tăng cường sự tham gia của người học viên, kết hợp sử dụng các hệ thống quản lý học tập (LSM) như Canvas và các nền tảng số như Google Drive, OneDrive, MS Teams... để tổng hợp và đánh giá sự phát triển kỹ năng nói của sinh viên.

Các nhà nghiên cứu như Bollinger và Shepherd (2010) và Lin (2008) cho rằng, hồ sơ học tập điện tử sẽ nâng cao kỹ năng giao tiếp và tương tác của người học, vì họ cần giao tiếp và tương tác với bạn bè và giáo viên để cải thiện việc học. Thực tế, hồ sơ học tập điện tử tạo điều kiện cho việc học tập chuyên nghiệp hợp tác bằng cách cho phép các cá nhân chia sẻ kinh nghiệm và thành tựu học tập với người khác và cung cấp phản hồi mang tính xây dựng cho bạn bè về thành tích và những nhận xét của họ.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu về việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Phenikaa được thực hiện trong học kỳ 3 năm học 2023-2024. Trường Đại học Phenikaa khuyến khích giảng viên áp dụng công nghệ trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học cũng như phát huy tính chủ động và sáng tạo của giảng viên và sinh viên. Trường Đại học Phenikaa phấn đấu hội nhập với nền giáo dục toàn cầu nên việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên là cần thiết.

3.2. Đối tượng và tham thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sự hiệu quả của việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh.

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài này, tham thể nghiên cứu là 33 sinh viên K16 lớp N08 (sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh có độ tuổi từ 19-20 tuổi), trong đó có 05 sinh viên nam và 28 sinh viên nữ. Sinh viên có trình độ nói tiếng Anh không đồng đều căn cứ vào kết quả kiểm tra nói trước khóa học. Kết quả kiểm tra cho thấy có 11 sinh viên có điểm kỹ năng nói tiếng Anh trước khi tham gia nghiên cứu tương đương với trình độ bậc 4/6 và 22 sinh viên có điểm kỹ năng nói tiếng Anh tương đương với bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Việc chênh lệch về năng lực nói tiếng Anh tạo ra khó khăn cho giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng như khó khăn cho sinh viên trong quá trình học tập.

3.3. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hồ sơ học tập điện tử để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Phenikaa.

Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau: Việc sử dụng hồ sơ học tập điện tử đã cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Phenikaa như thế nào?

3.4. Công cụ nghiên cứu

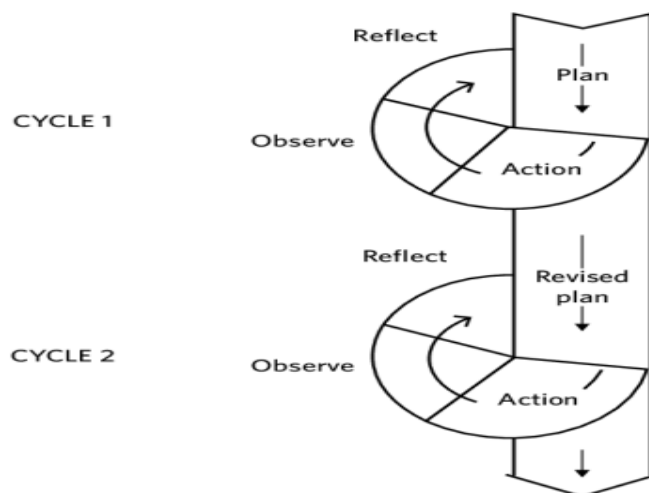
Để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã sử dụng hai công cụ chính để thu thập dữ liệu và đánh giá hiệu quả của việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử để cải thiện kỹ năng nói Tiếng Anh là bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử và nhật ký học tập của sinh viên. Bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử được thiết kế theo định dạng VSTEP do chuẩn đầu ra của học phần Thực hành tiếng Anh - Nói 5 là sinh viên đạt năng lực tiếng Anh tương đương với bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu sử dụng nhật ký học tập nhằm để thu thập được các phản hồi liên tục từng tuần của sinh viên trong quá trình học tập. Qua đó, giảng viên có thể hỗ trợ kịp thời để sinh viên cải thiện được kỹ năng nói tiếng Anh. Đối với nhật ký học tập, sinh viên chia sẻ đánh giá về các hoạt động trên lớp và hồ sơ học tập điện tử.

3.5. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng mô hình nghiên cứu hành động của Kemmis & Mc Taggart để thực hiện quá trình sử dụng hồ sơ học tập điện tử vào cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh. Mô hình này giúp cho việc áp dụng được triển khai theo đúng quy trình và đảm bảo tính hiệu quả. Hồ sơ học tập điện tử gồm các bài tập nói, các công cụ đánh giá, ngữ liệu hỗ trợ, nhật ký học tập nhằm mục đích tạo sự tương tác tích cực và trải nghiệm học tập cá nhân hóa.

Nhóm triển khai nghiên cứu theo 4 bước chính của mô hình nghiên cứu hành động của Kemmis và McTaggart (1988):



Hình 1. Chu trình của nghiên cứu hành động (Kemmis & McTaggart, 1988, được trích dẫn bởi Burn 2010)

1. **Lập kế hoạch (Planning):** Nhóm xác định các vấn đề sinh viên chuyên ngữ năm thứ hai tại Trường Đại học Phenikaa gặp phải trong việc học kỹ năng Nói tiếng Anh. Sau đó, nhóm xác định các vấn đề cần hỗ trợ sinh viên cải thiện và thiết lập đo lường để đánh giá hiệu quả của quá trình nghiên cứu. Phương pháp thu thập dữ liệu và quy trình thực hiện nghiên cứu cũng được đề cập. Xây dựng kế hoạch áp dụng tập hồ sơ điện tử để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh.

2. *Hành động (Action)*: Nhóm triển khai việc áp dụng tập hồ sơ điện tử nhằm cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ hai. Nhóm sẽ triển khai trong một chu trình kéo dài 8 tuần. Mỗi tuần sinh viên sẽ được giao các nhiệm vụ và được hướng dẫn chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ đó.

3. *Quan sát (Observation)*: Thu thập dữ liệu thông qua kết quả bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử, và nhật ký học tập. Dữ liệu thu thập từ quá trình này sẽ được sử dụng để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng hồ sơ học tập điện tử trong việc cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ hai tại Trường Đại học Phenikaa.

4. *Đánh giá (Reflection)*: Đánh giá và phân tích kết quả nghiên cứu. Căn cứ vào kết quả của nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đánh giá được hiệu quả của hoạt động ứng dụng và cũng tìm ra những vấn đề cần cải thiện trong tương lai. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cần nhắc việc điều chỉnh và cải thiện kế hoạch cho vòng nghiên cứu tiếp theo nếu cần.

Nghiên cứu được triển khai trong 8 tuần học. Việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử được thực hiện theo quy trình Quy trình áp dụng hồ sơ học tập điện tử để cải thiện kỹ năng nói được thực hiện như sau:

Tiến trình của 8 tuần áp dụng hồ sơ học tập điện tử

Tuần	Nội dung	Nhiệm vụ	Ghi chú
1-3		Giảng viên: - Giới thiệu khóa học (chương trình, mục tiêu, yêu cầu, đánh giá, giáo trình, v.v.). - Giới thiệu về e-portfolio nói (5 chủ đề, quy trình, cách đánh giá, v.v.). - Đào tạo cách sử dụng bảng chấm điểm, phiếu đánh giá, và bảng thuật ngữ. - Hướng dẫn học sinh hoàn thành nhật ký học tập. - Kiểm tra đầu khóa (pre-test).	Chủ đề: Giáo viên đề xuất 5 chủ đề liên quan đến giáo trình và bài kiểm tra nói, sinh viên làm 5 video nói (mỗi tuần một video).
4	1 (Bài 6)	Chủ đề 1: Truyền thống Sinh viên: - Đăng clip phiên bản 1 vào thứ Ba. - Tự đánh giá phiên bản 1 vào thứ Tư. - Đăng clip phiên bản 2 vào thứ Năm. - 7 sinh viên (Sinh viên từ 1-7) chỉnh sửa phiên bản 3.	- Giảng viên nhận xét phiên bản 2 cho 7 sinh viên - Đưa ra các gợi ý giúp sinh viên cải thiện bài nói của mình.
5	2 (Bài 7)	Chủ đề 2: Tiền bạc trong cuộc sống của chúng ta. Sinh viên: - Đăng clip phiên bản 1 vào thứ Ba. - Tự đánh giá phiên bản 1 vào thứ Tư. - Đăng clip phiên bản 2 vào thứ Năm. - 7 sinh viên (Sinh viên từ 8-14) chỉnh sửa phiên bản 3.	- Giảng viên nhận xét phiên bản 2 cho 7 sinh viên - Đưa ra các gợi ý giúp sinh viên cải thiện bài nói của mình.
6	3 (Bài 8)	Chủ đề 3: Sức khỏe và công nghệ Sinh viên: - Đăng clip phiên bản 1 vào thứ Ba. - Tự đánh giá phiên bản 1 vào thứ Tư. - Đăng clip phiên bản 2 vào thứ Năm. - 7 sinh viên (Sinh viên từ 15-21) chỉnh sửa phiên bản 3.	- Giảng viên nhận xét phiên bản 2 cho 7 sinh viên - Đưa ra các gợi ý giúp sinh viên cải thiện bài nói của mình.
7	4	Chủ đề 4: Tâm trí bí ẩn	- Giảng viên nhận xét

	(Bài 9)	Sinh viên: - Đăng clip phiên bản 1 vào thứ Ba. - Tự đánh giá phiên bản 1 vào thứ Tư. - Đăng clip phiên bản 2 vào thứ Năm. - 6 sinh viên (Sinh viên từ 22-27) chỉnh sửa phiên bản 3.	phiên bản 2 cho 6 sinh viên - Đưa ra các gợi ý giúp sinh viên cải thiện bài nói của mình.
8	5 (Bài 10)	Chủ đề 5: Tương lai của thực phẩm - Đăng clip phiên bản 1 vào thứ Ba. - Tự đánh giá phiên bản 1 vào thứ Tư. - Đăng clip phiên bản 2 vào thứ Năm. - 6 sinh viên (Sinh viên từ 28-33) chỉnh sửa phiên bản 3. * Giảng viên và sinh viên: - Kiểm tra cuối khóa (post-test). - Hỏi & Đáp về bài kiểm tra nói cuối cùng	- Giảng viên nhận xét phiên bản 2 cho 6 sinh viên - Đưa ra các gợi ý giúp sinh viên cải thiện bài nói của mình.

3.6. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu thu thập được từ kết quả bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện được phân tích bằng phần mềm SPSS để phát hiện sự cải thiện trong kỹ năng nói của sinh viên. Dữ liệu thu thập từ nhật ký học tập được phân tích nhằm phản ánh đánh giá của sinh viên về hiệu quả của việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử. Dữ liệu từ các nguồn khác nhau được phân tích độc lập và tổng hợp và so sánh để tìm ra câu trả lời cho hai câu hỏi nghiên cứu. và nhật ký học tập của sinh viên

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả phân tích dữ liệu từ bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử

Bảng 1. So sánh kết quả bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử

		Giá trị trung bình (Mean)	Tổng số mẫu (N)	Độ lệch chuẩn (Standard Deviation)	Sai số chuẩn của giá trị trung bình (Std. Error Mean)
Tiêu chí 1	Ngữ pháp (trước)	5.212	33	1.1661	.2030
	Ngữ pháp (sau)	5.818	33	1.0141	.1765
Tiêu chí 2	Từ vựng (trước)	5.091	33	1.0113	.1760
	Từ vựng (sau)	6.091	33	1.1555	.2012
Tiêu chí 3	Phát âm (trước)	5.818	33	.9505	.1655
	Phát âm (sau)	6.394	33	1.0289	.1791
Tiêu chí 4	Độ trôi chảy và phát triển ý (trước)	5.455	33	1.2013	.2091
	Độ trôi chảy và phát triển ý (sau)	6.061	33	1.1163	.1943
Tiêu chí 5	Nội dung và liên kết ý (pre)	5.333	33	1.1365	.1978
	Nội dung và liên kết ý (post)	6.121	33	1.1390	.1983

Bài kiểm tra	Bài kiểm tra trước	5.394	33	1.0440	1.1817
	Bài kiểm tra sau	6.152	33	1.0569	1.1840

Bảng số liệu cho thấy kết quả của bài kiểm tra đầu và cuối. Với tiêu chí ngữ pháp: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.212 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 5.818. Độ chênh lệch của điểm trung bình tăng 0.606, cho thấy sự cải thiện về ngữ pháp sau khi áp dụng phương pháp. Ngoài ra, độ lệch chuẩn của bài kiểm tra đầu (1.1661) và bài kiểm tra cuối (1.0141). Điều này cho thấy mức độ biến động trong điểm số giảm nhẹ ở bài kiểm tra cuối.

Với tiêu chí về từ vựng: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.091 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 6.091. Độ chênh lệch tăng đáng kể 1.000, cho thấy sự tiến bộ rõ rệt trong từ vựng. Thêm vào đó là độ lệch chuẩn của Bài kiểm tra đầu là (1.0113), và bài kiểm tra cuối (1.1555), sự biến động tăng nhẹ, cho thấy điểm số trở nên phân tán hơn sau bài kiểm tra cuối.

Với tiêu chí phát âm: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.818 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 6.394. Độ chênh lệch: Điểm tăng 0.576, gợi ý tác động tích cực đến phát âm. Độ lệch chuẩn của bài kiểm tra đầu là 0.9505 và bài kiểm tra cuối là 1.0289. Mức độ biến động tăng nhẹ sau can thiệp.

Với tiêu chí độ trôi chảy và phát triển ý: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.455 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 6.061. Độ chênh lệch: Tăng 0.606, cho thấy sự cải thiện về độ lưu loát. Độ lệch chuẩn của bài kiểm tra đầu là 1.2013 và bài kiểm tra cuối là 1.1163. Số liệu cho thấy sự giảm nhẹ mức độ biến động, cho thấy điểm số trở nên đồng nhất hơn.

Với tiêu chí nội dung và liên kết ý: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.333 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 6.121. Độ chênh lệch tăng đáng kể 0.788, cho thấy sự tiến bộ về nội dung và liên kết ý. Độ lệch chuẩn của bài kiểm tra đầu là 1.1365 và bài kiểm tra cuối là 1.1390. Điều này cho thấy mức độ biến động ổn định trước và sau.

Đánh giá tổng thể các bài kiểm tra cho ta thấy: Điểm trung bình bài kiểm tra đầu là 5.394 và điểm trung bình bài kiểm tra cuối là 6.152. Độ chênh lệch tăng tích cực 0.758 trên tất cả các tiêu chí. Độ lệch chuẩn của bài kiểm tra đầu là 1.0440 và bài kiểm tra cuối là 1.0569. Điều này cho thấy mức độ biến động ổn định trên toàn bộ dữ liệu thu thập được.

Qua số liệu trên cho thấy sinh viên đều có sự cải thiện trong từng tiêu chí nhưng sự thay đổi về từ vựng có mức độ tăng cao nhất (+1.000). Độ lệch chuẩn và sai số chuẩn giữa các bài kiểm tra gần như không thay đổi. Điều này cho thấy sự ổn định trong độ biến động và độ chính xác của các điểm trung bình. Phương pháp can thiệp có tác động tích cực đến tất cả các tiêu chí được đánh giá đặc biệt là từ vựng và nội dung liên kết ý.

4.2. Kết quả nghiên cứu về hiệu quả của việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử từ nhật ký học tập

Một trong hai công cụ chính để thu thập dữ liệu và đánh giá hiệu quả của việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh là nhật ký học tập của sinh viên. Sinh viên tập trung viết nhật ký trong năm tuần, với những nhận xét, phản hồi về các hoạt động trên lớp cũng như việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử.

- Về các hoạt động trên lớp: 100% sinh viên đều lựa chọn được các hoạt động yêu thích trong từng tuần. Cả lớp có một số nhận định chung như: không khí lớp học vui vẻ, các em được tham gia nhiều hoạt động theo cặp-nhóm, vui học mà không bị căng thẳng hay áp lực, có nhiều cơ hội tương tác với các bạn hơn, và đã từng bước cải thiện các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nói tiếng Anh, kỹ năng làm việc theo nhóm... Một số sinh viên còn khẳng định “mỗi ngày đến trường là một ngày vui, vì mỗi giờ học đều thú vị”. Điểm tích cực mà nhiều em khẳng định trong nhật ký học tập là em có nhiều cơ hội giao tiếp, làm việc theo cặp/ nhóm với nhiều bạn, được di chuyển xung quanh lớp, cởi mở hơn với các bạn, và trở nên tự tin hơn. Hầu hết sinh viên thể hiện sự hào hứng khi nói về các hoạt động trong giờ học khi các em được tương tác với bạn, được hướng dẫn cụ thể từ giảng viên, có thêm ý

tưởng cho bài nói của mình, và thông qua nhận xét của cô và bạn đã dần cải thiện phát âm, ngữ pháp, “ngâm” từ vựng một cách tự nhiên, diễn đạt trôi chảy và tự tin hơn. Các em đều mong muốn luôn có các hoạt động hữu ích như vậy trong từng giờ học. Một vài em mong muốn có thêm thời gian cho các hoạt động theo nhóm.

Về hồ sơ học tập điện tử: 100% sinh viên khẳng định tính hiệu quả của hồ sơ học tập điện tử trong việc cải thiện kỹ năng nói của mình. Các em có cơ hội sử dụng nhiều công cụ khác nhau và chủ động sắp xếp lịch trình cá nhân của mình để hoàn thành các nhiệm vụ/ bài tập. Các em đều nhận thấy hồ sơ học tập điện tử giúp các em tự nhận xét, đánh giá, qua đó thấy được sự tiến bộ của bản thân, và dù ở các mức độ khác nhau nhưng các em đều thấy vui và thể hiện tinh thần tích cực hoàn thành hồ sơ học tập từng tuần. Ngoài ra, nhiều em cho rằng phần nhận xét cụ thể của giảng viên là hữu ích, giúp em nhận ra điểm tốt để phát huy và tự tin hơn, cũng như điểm yếu để cải thiện tốt hơn. Một số em gặp khó khăn khi có lỗi trên hệ thống Canvas, phần mềm, hoặc gặp khó khăn trong việc sắp xếp thời gian để hoàn thành hồ sơ học tập ở những tuần đầu tiên vì khối lượng công việc khá lớn. Tuy nhiên, ở những tuần cuối các em đã hình thành được thói quen nộp bài từng tuần và khó khăn chỉ còn là thứ yếu.

4.3. Thảo luận

Việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ 2 của Trường Đại học Phenikaa đã chứng minh được sự hiệu quả. Kết quả thu được từ dữ liệu bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng cùng với nhật ký học tập hàng tuần của sinh viên đã cho thấy rõ hiệu quả của hồ sơ học tập điện tử đối với các khía cạnh nói và tạo động lực học cho sinh viên.

Thứ nhất, từ vựng đóng vai trò quan trọng trong quá trình học ngôn ngữ, là nền tảng giúp truyền tải ý nghĩa hiệu quả. Theo số liệu thống kê, điểm từ vựng của học sinh đã cải thiện đáng kể, từ mức trung bình 5.091 ở bài kiểm tra trước lên 6.091 ở bài kiểm tra sau, với mức tăng 1 điểm. Điều này cho thấy hồ sơ học tập điện tử đã có tác động tích cực đến việc phát triển vốn từ vựng của người học. Sự cải thiện này có thể đến từ việc áp dụng các bài tập từ vựng có định hướng, giúp học sinh không chỉ học từ mới mà còn hiểu rõ ý nghĩa, cách sử dụng và ngữ cảnh. Việc mở rộng vốn từ giúp người học diễn đạt suy nghĩ một cách rõ ràng hơn, tránh sự lặp lại và nâng cao khả năng hiểu trong giao tiếp cả bằng văn bản lẫn nói. Sự gia tăng độ lệch chuẩn từ 1.0113 lên 1.1555 cho thấy có sự khác biệt về mức độ tiến bộ giữa các học sinh. Sự tiến bộ là kết quả của việc giảng viên đã thay đổi phương pháp dạy từ vựng và cung cấp các từ vựng liên quan đến chủ đề theo cấp độ từ, cụm từ và thành ngữ tục ngữ kèm theo việc giải thích nghĩa và ví dụ minh họa giúp sinh viên sử dụng từ vựng hiệu quả hơn.

Thứ hai, ngữ pháp là khung cấu trúc của bất kỳ ngôn ngữ nào, quyết định cách từ và cụm từ được sắp xếp để truyền đạt ý nghĩa. Số liệu thống kê cho thấy người học đã có sự tiến bộ đáng kể về ngữ pháp, với điểm trung bình tăng từ 5.212 lên 5.818 sau bài kiểm tra. Điều này chỉ ra rằng sinh viên đã hiểu và áp dụng tốt hơn các quy tắc ngữ pháp trong quá trình nói. Mức tăng trung bình về ngữ pháp tương đối nhỏ hơn so với từ vựng, cho thấy có thể sinh viên cảm thấy ngữ pháp khó tiếp thu hơn. Điều này có thể xuất phát từ sự phức tạp của các quy tắc ngữ pháp, có thể khác biệt lớn so với ngôn ngữ mẹ đẻ của người học. Sự giảm nhẹ độ lệch chuẩn từ 1.1661 xuống 1.0141 cho thấy ngữ pháp của sinh trở nên đồng đều hơn sau can thiệp. Điều này có thể phản ánh tính hiệu quả của việc cung cấp các cấu trúc ngữ pháp và bài tập luyện tập cùng với các hoạt động dạy học phù hợp,

Thứ ba, phát âm đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự hiểu biết trong kỹ năng nói. Theo thống kê, điểm phát âm đã tăng từ 5.818 lên 6.394, cho thấy sinh viên đã tiến bộ rõ rệt trong việc phát âm các âm, trọng âm và ngữ điệu. Độ lệch chuẩn tăng nhẹ từ 0.9505 lên 1.0289 cho thấy có sự gia tăng nhỏ về sự khác biệt giữa học sinh sau can thiệp. Điều này có thể cho thấy trong khi phần lớn sinh viên có tiến bộ, một số người vẫn gặp khó khăn trong việc nắm vững phát âm. Các phương pháp như luyện tập ngữ âm, bài tập "shadowing" (bắt chước người bản ngữ), và hoạt động nghe tập trung có thể giúp cải thiện phát âm của học sinh theo thời gian.

Thứ tư, độ trôi chảy và phát triển ý đề cập đến khả năng nói một cách trôi chảy và tự nhiên mà không có sự do dự quá mức. Theo số liệu, điểm của tiêu chí này đã tăng từ 5.455 lên 6.061, cho thấy người học đã trở nên thoải mái hơn khi sử dụng ngôn ngữ sau khi can thiệp. Độ trôi chảy thường được coi là mục tiêu cuối cùng của việc học ngôn ngữ, vì nó liên quan đến khả năng truyền tải ý tưởng một cách mạch lạc, với tốc độ hợp lý và không bị gián đoạn. Sự giảm nhẹ độ lệch chuẩn từ 1.2013 xuống 1.1163 cho thấy sự lưu loát của học sinh trở nên đồng đều hơn sau khi can thiệp, chứng tỏ các hoạt động khuyến khích độ trôi chảy và tính liên kết, chẳng hạn như luyện tập nói và thực hành kỹ năng nói thường xuyên đã giúp sinh viên tự tin trong kỹ năng nói tiếng Anh.

Thứ năm, nội dung và liên kết ý, hay khả năng sắp xếp các ý tưởng một cách mạch lạc trong quá trình nói, là một kỹ năng quan trọng trong giao tiếp hiệu quả. Số liệu cho thấy có sự cải thiện đáng kể trong tiêu chí này, với điểm trung bình tăng từ 5.333 lên 6.121. Điều này cho thấy sinh viên đã cải thiện khả năng trình bày ý tưởng một cách rõ ràng, logic và có tổ chức. Bố cục tốt giúp người nghe theo dõi và hiểu được các điểm chính mà người nói muốn truyền tải. Việc độ lệch chuẩn gần như không thay đổi trước và sau can thiệp (tương ứng là 1.1365 và 1.1390) cho thấy sự cải thiện của học sinh trong kỹ năng này tương đối đồng đều. Để phát triển nội dung và liên kết ý, các hoạt động nhằm vào việc xây dựng dàn ý, thu âm, đánh giá và chỉnh sửa bài nói, cũng như việc dạy cách sử dụng các từ nối và cụm từ để kết nối ý tưởng, là rất cần thiết.

Cuối cùng, số liệu điểm kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử trong kỹ năng nói cho thấy sự cải thiện rõ rệt. Điểm trung bình tăng từ 5.394 lên 6.152, phản ánh sự tiến bộ toàn diện trong các tiêu chí như ngữ pháp, từ vựng, phát âm, độ trôi chảy và phát triển ý và nội dung và liên kết ý. Sự cải thiện này cho thấy rằng việc áp dụng hồ sơ học tập điện tử đã có hiệu quả trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của người học.

5. Kết luận

Trên cơ sở phân tích dữ liệu cũng như quá trình áp dụng hồ sơ học tập điện tử vào học phần Thực hành tiếng Anh - Nói 5 cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ 2 của Khoa tiếng Anh - Trường Đại học Phenikaa, nhóm nghiên cứu đã đánh giá được tính hiệu quả của hồ sơ học tập điện tử với việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên. Các kết quả thu thập được từ bài kiểm tra trước và sau khi áp dụng hồ sơ học tập điện tử cùng với nhật ký học tập đã chỉ ra rằng hồ sơ học tập điện tử đã nâng cao năng lực nói tiếng Anh cho sinh viên. Sinh viên có sự tiến bộ về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, độ trôi chảy và phát triển ý và nội dung và liên kết ý. Thêm vào đó, hồ sơ học tập điện tử đã hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh. Việc học tập và đánh giá được diễn ra liên tục sẽ giúp người học tiếp nhận kiến thức một cách chủ động, tự nhiên và hiệu quả, qua đó nâng cao sự tự tin và cải thiện được kỹ năng nói tiếng Anh. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, hồ sơ học tập điện tử cần cải thiện như ứng dụng công nghệ để hỗ trợ việc luyện phát âm, từ vựng và ngữ pháp. Ngoài ra, các hoạt động trên lớp học và hoạt động tự học cần đa dạng và liên tục đổi mới.

**Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Phenikaa cho đề tài mã số PU2023-2-C02.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahn, J. (2004), *Electronic portfolios: Blending technology, accountability & assessment*. The Journal, 31(9), 1-19. Retrieved from <https://www.learntechlib.org/p/77087/>.
2. Black, P. and Wiliam, D. (2004), *The Formative Purpose: Assessment Must First Promote Learning*. Yearbook of the National Society for the Study of Education, Retrieved from <http://dx.doi.org/10.1111/j.1744-7984.2004.tb00047.x>.
3. Bolliger, D. U., & Shepherd, C. E. (2010), Student perceptions of e-portfolio integrating in online courses. *Distance Education*, 31(3), 295–314. doi: 10.1080/01587919.2010.513955.
4. Bueno, A., D. Madrid and N. McLaren (eds.) (2006), *TEFL in Secondary Education*. Granada: Editorial Universidad de Granada, Print.
5. Burns, A. (2010). *Doing action research in English language teaching: A guide for practitioners*. Routledge.
6. Brown, G. A., & Yule, G. (1983), *Teaching the spoken language*. Cambridge: Cambridge University Press.
7. Florez, M. A. C. (1999), *Improving adult English language learners' speaking skills*. National Clearinghouse for ESL Literacy Education Washington DC. Retrieved September 1st, 2016 from <http://www.ericdigests.org/2000-3/adult.htm>
8. Goldsmith, D. J. (2007), *Enhancing learning and assessment through e-portfolios: A collaborative effort in Connecticut*. New Directions for Student Services, 119: 31-42.
9. Gray, L. (2008), Effective practice with e-portfolios. *JISC*, 5–40.
10. Lin, Q. (2008), Preservice teachers' learning experiences of constructing e-portfolios online. *Internet and Higher Education*, 11, 194-200. doi: 10.1016/j.iheduc.2008.07.002.
11. Lorenzo, G., & Ittelson, J. (2005), An overview of e-portfolios. *Educause Learning Initiative*, 1-27.
12. Mart, Ç.T. (2012), *Developing speaking skills through reading*. International Journal of English Linguistics, 6(2), 91-96.
13. Marshall, B., & Wiliam, D. (2006), *English inside the black box*. NFER Nelson.
14. Nelson, M. M., & Schunn, C. D. (2009), The nature of feedback: How different types of peer feedback affect writing performance. *Instructional Science*, 37(4), 375–401. <https://doi.org/10.1007/s11251-008-9053-x>
15. Thornbury, S. (2005), *How to teach speaking*. Longman, London.
16. Welsh, M. (2012), Student perceptions of using the PebblePad e-portfolio system to support self- and peer-based formative assessment. *Technology, Pedagogy, and Education*, 21(1), 57–83.
17. Zohar, A., & Dori, Y. J. (2003), Higher order thinking skills and low achieving students: Are they mutually exclusive? *The Journal of the Learning Sciences*, 12(2), 145–181. https://doi.org/10.1207/S15327809JLS1202_1.

**The effectiveness of E-portfolio to speaking skills of English-major students
at Phenikaa University**

Abstract: In the digital transformation era, integrating technology into teaching has become an inevitable trend to enhance the quality of teaching and learning. Using electronic portfolios (E-Portfolios) to improve students' speaking skills helps them strengthen their English proficiency and creates an environment that boosts their confidence in language use. This study evaluates E-Portfolios' effectiveness in improving English speaking skills among second-year English majors at Phenikaa University. The researchers adopted action research with two main tools to collect data: pre- and post-speaking tests and learning journals. The results indicate that E-Portfolios have improved vocabulary, grammar, pronunciation, fluency, and discourse management. Moreover, the study provided an engaging learning experience and valuable insights into the more practical application of E-Portfolios for students.

Key words: E-Portfolios; English speaking skills; technology; English majors; effectiveness.